

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN NÔNG CÔNG**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Nông Công, ngày tháng năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Thăng Thọ huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2021;*

*Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ xây dựng: Số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; Số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 02/6/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045; Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 30 tháng 08 năm 2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Nông Công;*

*Căn cứ Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 09/07/2021 của Chủ tịch UBND huyện Nông Công về việc phê duyệt nhiệm vụ dự toán lập quy hoạch chung xây dựng xã Thăng Thọ, huyện Nông Công đến năm 2030;*

*Căn cứ Văn bản tham gia ý kiến nội dung quy hoạch chung xây dựng xã Thăng Thọ số 1519/SXD-QH, ngày 14/03/2022 của Sở Xây dựng; số 618/SNN&PTNT-KHTC ngày 24/02/2022 của Sở Nông nghiệp &PTNT;*

*Xét đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 65/TĐ-KTHT ngày 29/4/2022,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Thăng Thọ, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, gồm những nội dung chính như sau:

### **1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch.**

*a. Tên đồ án:* Quy hoạch chung xây dựng xã Thăng Thọ, huyện Nông Cống đến năm 2030.

#### *b. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch.*

Thăng Thọ là xã nằm về phía Đông Nam huyện Nông Cống, trung tâm xã có cách trung tâm huyện lỵ 8 km. Ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp xã Thăng Long và xã Vạn Thiện;
- Phía Nam giáp xã Công Liêm;
- Phía Tây giáp xã Thăng Long, xã Công Liêm;
- Phía Đông giáp xã Thăng Bình huyện Nông Cống.
- Quy mô diện tích lập quy hoạch: 705,19ha.

### **2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã.**

#### *a) Mục tiêu:*

- Cụ thể hóa Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 02/06/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch vùng huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

- Cụ thể hóa Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Nông Cống.

- Cụ thể hóa Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của chủ tịch UBND huyện Nông Cống về việc phê duyệt nhiệm vụ đồ án và dự toán kinh phí lập quy hoạch chung xây dựng xã Thăng Thọ, huyện Nông Cống đến năm 2030.

#### *b) Tính chất chức năng của xã:*

Quy hoạch chung xây dựng xã Thăng Thọ là quy hoạch xây dựng nông thôn; Chức năng là vùng sản xuất nông nghiệp chính (mía, cói, rau sạch...) và vùng lúa tập trung, tiểu thủ công nghiệp làng nghề truyền thống (nghề mộc tại làng Thượng Văn đã được tỉnh công nhận).

### **3. Quy mô dân số, lao động; Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.**

#### **3.1. Quy mô dân số, lao động.**

##### **3.1.1. Dân số.**

Dân số hiện trạng năm 2020 khu vực nghiên cứu lập quy hoạch là 5.317 người; Đến năm 2025 dân số của xã khoảng 6.253 người; Đến năm 2030 dân số của xã khoảng 7.293 người.

##### **3.1.2. Lao động.**

Năm 2020 lao động tham gia vào các ngành kinh tế của xã khoảng 3.296 người; Đến năm 2025 trên địa bàn xã có 4.064 người; Đến năm 2030 khoảng 4.740 người.

### **3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.**

#### **3.2.1. Về sử dụng đất.**

- Điểm dân cư nông thôn.
- + Đất xây dựng công trình nhà ở:  $\geq 25\text{m}^2/\text{người};$
- + Đất xây dựng công trình, dịch vụ:  $\geq 5\text{m}^2/\text{người};$
- + Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật:  $\geq 5\text{m}^2/\text{người};$
- + Đất cây xanh công cộng:  $\geq 2\text{m}^2/\text{người};$
- Trụ sở cơ quan xã:  $\geq 1.000\text{m}^2;$
- Đất xây dựng trường mầm non, quy mô 50 chỗ/1000 dân:  $\geq 12\text{m}^2/\text{chỗ};$
- Đất xây dựng trường Tiểu học, quy mô 65 chỗ/1000 dân:  $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ};$
- Đất xây dựng trường Trung học, quy mô 55 chỗ/1.000 dân:  $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ};$
- Trạm y tế xã:  $\geq 500\text{m}^2/\text{trạm};$
- (Có vườn thuốc)  $\geq 1.000\text{m}^2/\text{trạm};$
- Đất xây dựng nhà văn hóa xã:  $\geq 1.000\text{m}^2;$
- Đất xây dựng nhà văn hóa thôn:  $\geq 300\text{m}^2;$
- Đất xây dựng sân thể thao xã:  $\geq 4.000\text{m}^2;$
- Đất xây dựng sân thể thao thôn:  $\geq 1.000\text{m}^2;$
- Đất xây dựng chợ:  $\geq 3.000\text{m}^2;$
- Đất xây dựng điểm phục vụ bưu chính viễn thông:  $\geq 150\text{m}^2;$

#### **3.2.2. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:**

- Chỉ tiêu về vệ sinh môi trường:  $\geq 0,8\text{kg rác}/\text{người}/\text{ngày}/\text{đêm}.$
- Về tiêu chuẩn cấp nước:  $\geq 80 \text{ lít } /\text{người}/\text{ngày};$
- Về thoát nước bản tiêu chuẩn:  $\geq 80\% \text{ lượng nước cấp};$
- Về cấp điện tiêu chuẩn:  $\geq 150\text{W}/\text{người}/\text{ngày};$

#### **3.2.3. Các nội dung khác:**

Theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng và QCVN 4454:2012 về quy hoạch nông thôn – tiêu chuẩn TK.

### **4. Phân khu chức năng.**

- Khu trung tâm xã.
- Tổ chức hệ thống công trình công cộng.
- Tổ chức khu dân cư mới và cải tạo
- Tổ chức các khu vực sản xuất
- Các công trình đầu mối, kết nối hạ tầng.

### **5. Định hướng tổ chức không gian toàn xã.**

#### **5.1. Trục động lực phát triển**

Lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng: gồm 02 trục kết nối Bắc Nam và 01 trục kết nối Đông Tây.

- 02 trục kết nối Bắc – Nam gồm:

+ Trục kết nối giữa xã Thăng Long và xã Công Liêm thông qua tuyến đường TL505.

+ Trục kết nối giữa xã Thăng Long và xã Thăng Thọ thông qua tuyến đường ĐTX.TT.01

- 01 trục kết nối Đông Tây:

+ Trục kết nối Đông - Tây thông qua tuyến đường TL 525, kết nối xã Thăng Thọ với xã Thăng Bình và đường TL 506 (hành lang phát triển kinh tế quốc tế).

### **5.2. Phân vùng phát triển kinh tế.**

Toàn xã Thăng Thọ đến năm 2030, được chia thành 03 tiểu vùng phát triển kinh tế:

- Vùng 1 (Phía Đông đường cao tốc Bắc Nam): Đây là khu vực tập trung phát triển kinh tế trang trại và sản xuất kinh doanh.

- Vùng 2 (Phía Tây đường cao tốc Bắc Nam đến đường ĐH-NC.14): Định hướng là khu vực phát triển trang trại tập trung và sản xuất nông nghiệp.

- Vùng 3: (Phía Tây đường ĐH-NC.14 và phía Nam đường TL 525): Đây là khu vực trọng điểm phát triển kinh tế của xã. Định hướng làm khu vực tập trung phát triển điểm dân cư nông thôn, thương mại dịch vụ, sản xuất kinh doanh, tiểu thủ công nghiệp làng nghề truyền thống và gắn liền với phát triển vùng lúa chất lượng cao, vùng phát triển rau màu theo tiêu chuẩn VietGap.

### **5.3. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng.**

#### **5.3.1 Khu trung tâm xã**

Khu trung tâm xã hiện nay đã và đang hình thành xây dựng. Nằm trên trục đường TL525 thuộc thôn Thọ Thượng. Giữ nguyên và định hướng cải tạo, nâng cấp khu trung tâm xã. Đây là khu vực trung tâm, các công trình hành chính, công cộng và dịch vụ chính của toàn xã bao gồm: Trụ sở UBND xã, nhà văn hóa, sân thể thao, trường học, trạm y tế....

#### **5.3.2. Định hướng tổ chức công trình công cộng**

**5.3.2.1. Khu công sở xã:** Giữ nguyên vị trí tại thôn Thọ Thượng, với diện tích 0,36ha. Mật độ xây dựng 40%. Tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu TSC-01).

#### **5.3.2.2. Khu trung tâm văn hóa- thể thao xã**

**a. Trung tâm văn hóa xã:** Giữ nguyên vị trí trong khuôn viên trụ sở UBND xã. Mật độ xây dựng 40%; Tầng cao 1-3 tầng ;

#### **b. Sân thể thao xã:**

+ Vị trí 1: Giữ nguyên vị trí tại thôn Thọ Thượng với diện tích khu đất là 0,52ha (Ô đất ký hiệu DTT-01).

+ Vị trí 2: Mở mới tại khu vực phía sau UBND xã thôn Thọ Thượng với diện tích khu đất là 1,42ha (Ô đất ký hiệu DTT-04).

#### **5.3.2.3. Nhà văn hóa - sân thể thao thôn.**

##### **a. Nhà văn hóa thôn.**

- Nhà văn hóa thôn Thọ Thượng: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,15ha (Ô đất ký hiệu NVH-01).

- Nhà văn hóa thôn Thọ Khang: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,18ha (Ô đất ký hiệu NVH-02)

- Nhà văn hóa thôn Thọ Đông: Giữ nguyên vị trí hiện tại, mở rộng với diện tích 0,1ha, diện tích sau mở rộng là 0,28ha (Ô đất ký hiệu NVH-03).

\* Mật độ xây dựng các nhà văn hóa 40%; Tầng cao 1-3 tầng.

**b. Sân thể thao thôn.**

- Đối với các khu thể thao sử dụng chung trong khuôn viên của nhà văn hóa thôn, cần đầu tư các trang thiết bị thể thao chuyên dụng để đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt của nhân dân trong thôn.

- Đối với sân thể thao hiện trạng:

+ Sân thể thao thôn Thọ Thượng: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,49ha (Ô đất ký hiệu DTT-02).

+ Sân thể thao thôn Thọ Đông: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,39ha (Ô đất ký hiệu DTT-03).

**5.3.2.4. Công trình y tế (Trạm y tế xã):** Giữ nguyên tại vị trí tại thôn Thọ Thượng với diện tích 0,22ha. Mật độ xây dựng 40%; Tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu DYT-01).

**5.3.2.5. Công trình giáo dục.**

**a. Trường Mầm non:** Giữ nguyên vị trí tại thôn Thọ Thượng. Diện tích hiện trạng khu đất: 0,53ha. Mật độ xây dựng 40%; Tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu DGD-01).

**b. Trường Tiểu học:** Giữ nguyên vị trí tại thôn Thọ Thượng, diện tích hiện trạng khu đất: 0,64ha. Mật độ xây dựng 40%; Tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu DGD-02).

**c. Trường Trung học cơ sở:** Giữ nguyên vị trí tại thôn Thọ Thượng, diện tích hiện trạng khu đất: 0,62ha. Mật độ xây dựng 45%. Tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu DGD-03).

**5.3.2.6. Điểm bưu điện văn hóa xã:** Giữ nguyên vị trí tại thôn Thọ Thượng. Diện tích khu đất: 0,02ha. Mật độ xây dựng 80%; Tầng cao 1 – 3 tầng (Ô đất ký hiệu DBV-01).

**5.3.2.7. Trụ sở công an xã:** Quy hoạch mới Trụ sở công an xã với diện tích 0,06ha, tại khu vực Đồng Hà thôn Thọ Thượng; Mật độ xây dựng 45%; Tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu CAN-01).

**5.3.2.8. Ban chỉ huy quân sự xã:** Quy hoạch mới Nhà trực ban chỉ huy quân sự xã tại khu vực Đồng Hà thôn Thọ Thượng với diện tích 0,10ha. Mật độ xây dựng 45%; Tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu CQP-01).

**5.3.2.9. Công trình văn hóa (Đài tưởng niệm liệt sỹ):** Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích khu đất 0,09ha; Mật độ xây dựng 45%; Tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu DVH-01).

**5.3.2.10. Công trình tín ngưỡng (Chùa Thượng Cát):** Giữ nguyên vị trí tại thôn Thọ Thượng với diện tích 1,12ha; Mật độ xây dựng 45%; Tầng cao 1-3 tầng (Ô đất ký hiệu TIN-01).

### **5.3. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch khu dân cư mới và cũ.**

- Giữ nguyên các khu dân cư hiện trạng tại 3 thôn: thôn Thọ Thượng, thôn Thọ Đông, thôn Thọ Khang. Cải tạo, chỉnh trang, đồng thời ban hành quy định quản lý kiến trúc và trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan của bộ mặt của các thôn, xóm với diện tích 76,0ha (Ô đất ký hiệu: HT-01 đến HT-98). Mật độ xây dựng 60%; Tầng cao 1-3 tầng.

- Bố trí quỹ đất xây dựng các khu dân cư mới đến năm 2030 với diện tích 15,12ha; Mật độ xây dựng 80%; Tầng cao 1-3 tầng.

+ Điểm dân cư Đồng Nam Thanh Yên thôn Thọ Thượng với diện tích 5,33ha (Ô đất ký hiệu PT-01).

+ Điểm dân cư Đồng Trại Lợn, Đồng Hậu thôn Thọ Thượng với diện tích 4,18ha (Ô đất ký hiệu PT-02).

+ Điểm dân cư sau trường Tiểu học và Trung học cơ sở thôn Thọ Thượng với diện tích 1,28ha (Ô đất ký hiệu PT-03).

+ Điểm dân cư Đồng Hà thôn Thọ Thượng với diện tích 1,33ha (Ô đất ký hiệu PT-04).

+ Điểm dân cư Đồng Nấp thôn Thọ Thượng với diện tích 3,0ha (Ô đất ký hiệu PT-05).

### **5.4. Tổ chức các khu vực sản xuất.**

#### **5.4.1. Khu vực sản xuất nông nghiệp.**

a. Ngành trồng trọt:

- Cây lúa: Khu vực trồng lúa tập trung trên các ruộng thường xuyên có đủ nước tưới, giống lúa trồng là các giống lúa mới có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh, chất lượng tốt, mang lại giá trị kinh tế cao; Tiến hành chuyển đổi hình thức sản xuất tập trung (*cánh đồng mẫu lớn*), tập trung ở khu vực Đồng Sa Vỹ, Đồng Nấp, Đồng Bao Trại thôn Thọ Thượng. Diện tích đất trồng lúa đến năm 2030 khoảng 365,22ha.

- Vùng rau màu: Xây dựng, định hướng vùng sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP tập trung, xúc tiến hình thành tên thương phẩm rau sạch, đăng ký thương hiệu về rau sạch để cung ứng ra thị trường huyện. Thành phố Thanh Hoá,..... Diện tích tập trung ở các thôn Thọ Khang và thôn Thọ Đông. Trong đó:

+ Xứ đồng Đồng Yên thôn Thọ Khang với diện tích 3,80ha.

+ Xứ đồng Đồng Sâm thôn Thọ Đông với diện tích 3,50ha.

b. Ngành chăn nuôi: Để phát huy thế mạnh của xã và tăng thu nhập cho người dân, trong thời gian tới xã đầu tư khuyến khích các hộ gia đình hình thành và phát triển các mô hình trang trại. Quy hoạch xây dựng trang trại tập trung tại các khu vực:

- Trang trại Bái Đồng Tròn thôn Thọ Đông với diện tích 13,0ha (Ô đất ký hiệu NKH-01).

- Trang trại khu vực Đồng Mã Đằm, Đồng Cầu Man thôn Thọ Đông với diện tích 7,41ha (Ô đất ký hiệu NKH-02).

- Trang trại khu vực Bái Trại thôn Thọ Đông với diện tích 18,90ha (Ô đất ký hiệu NKH-03).

- Trang trại khu vực Bái Trại thôn Thọ Đông với diện tích 4,83ha (Ô đất ký hiệu NKH-04).

c. Ngành thủy sản: Bố trí diện tích đất nuôi trồng thủy sản của xã là 9,68ha (giữ nguyên diện tích ao, hồ hiện có).

#### **5.4.2. Khu vực sản xuất kinh doanh; Tiểu thủ công nghiệp làng nghề.**

Bố trí quỹ đất để phát triển các khu sản xuất kinh doanh đến năm 2030 với diện tích 12,77ha:

- Khu vực sản xuất kinh doanh Đồng Tròn thôn Thọ Đông với diện tích 5,0ha Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1-3 tầng; ( Ô đất ký hiệu SKC-02).

- Khu vực làng nghề Mộc tại Đồng Nấp thôn Thọ Thượng với diện tích 5,20ha Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1-3 tầng; (Ô đất ký hiệu SKC-03).

- Khu vực sản xuất kinh doanh Đồng Yên thôn Thọ Thượng với diện tích 2,0ha. Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1-3 tầng; (Ô đất ký hiệu SKC-04).

- Khu sản xuất kinh doanh thôn Thọ Thượng với diện tích 0,27ha. Mật độ xây dựng 40%, tầng cao 1-3 tầng; (Ô đất ký hiệu SKC-C05).

#### **5.4.3. Khu vực dịch vụ - thương mại.**

Bố trí quỹ đất để phát triển các khu thương mại dịch vụ đến năm 2030 với diện tích 3,90ha:

- Xây dựng nơi làm việc hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp khu vực Đồng Hà thôn Thọ Thượng với diện tích 0,30ha). Mật độ xây dựng 45%, tầng cao 1-3 tầng; (Ô đất ký hiệu TMD-01).

- Khu thương mại dịch vụ khu vực Đồng Yên thôn Thọ Thượng với diện tích 3,60ha. Mật độ xây dựng 45%, tầng cao 1-3 tầng; (Ô đất ký hiệu TMD-02).

### **6. Công trình hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất.**

#### **6.1. Công trình hạ tầng phục vụ sản xuất.**

a. Hệ thống giao thông nội đồng: Cơ bản giữ nguyên hệ thống giao thông theo hiện trạng, nâng cấp, cải tạo các tuyến giao thông chưa đảm bảo quy định trong xây dựng NTM, đáp ứng nhu cầu đi lại sản xuất của người dân.

- Tuyến đường nội đồng: gồm 14 tuyến, với tổng chiều dài 13,5km (Ký hiệu ĐNĐ-TT.01 - ĐNĐ-TT.14) với chiều rộng nền đường 4,0m, mặt đường 3,0m.

b. Hệ thống thủy lợi:

- Quy hoạch giữ nguyên hệ thống kênh mương nội đồng; Nâng cấp, nạo vét tu bổ, xây mới lại hệ thống kênh mương chính do Công ty Sông Chu và xã quản lý. Cụ thể:

- Kênh do Công ty sông Chu quản lý: thường xuyên nạo vét lòng kênh khơi thông dòng chảy với chiều dài 12,6km.

- Kênh chính do xã quản lý:

+ Nạo vét khơi thông dòng chảy với chiều dài 4,50km.

+ Xây mới 03 tuyến với tổng chiều dài 2,95km.

- Cải tạo 33 công tưới – tiêu để góp phần nâng cao phục vụ sản xuất nông nghiệp, khắc phục tình trạng ngập úng, hạn hán, tiêu thoát nước

## **6.2. Công trình hệ thống hạ tầng kỹ thuật.**

### **6.2.1. Hệ thống giao thông.**

Hệ thống giao thông xã được chia thành 02 hệ thống gồm: Giao thông đối ngoại và giao thông đối nội, cụ thể :

a. Hệ thống giao thông đối ngoại:

- Đường cao tốc: Gồm 02 tuyến với chiều dài 6,4km.

+ Đường bộ cao tốc Bắc – Nam: Chạy qua địa bàn xã với chiều dài 3,5km.

+ Đường sắt cao tốc Bắc – Nam: Chạy qua địa bàn xã với chiều dài 2,9km.

- Đường tỉnh: Gồm 02 tuyến (ký hiệu ĐTL 505 và ĐTL 525) với chiều dài 5,65km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III. Lộ giới: 42,0m; Lòng đường 12,0m; Hành lang giao thông: 15,0m x 2.

- Đường huyện: Mở mới 03 tuyến (ký hiệu ĐH-NC.04; ĐH-NC.14; ĐH-NC.15) với tổng chiều dài là 3,27km, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV. Lộ giới: 29,0; Lòng đường: 9,0m; Hành lang giao thông: 10,0m x 2.

- Đường trục xã, liên xã: Gồm 06 tuyến với chiều dài 6,85km, trong đó:

+ 03 tuyến (ký hiệu ĐTX-TT.01 đến ĐTX-TT.03), đạt tiêu chuẩn đường cấp A. Lộ giới: 10,5m; Lòng đường: 7,5m; Lề đường: 1,5m x 2.

+ 03 tuyến (ký hiệu ĐTX-TT.04 đến ĐTX-TT.06), đạt tiêu chuẩn đường cấp VI. Lộ giới: 17,5m; Lòng đường: 7,5m; Hè đường: 5,0m x 2.

b. Hệ thống giao thông đối nội:

Nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông trục thôn, liên thôn, trục xóm trên cơ sở mạng lưới cũ đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo tiêu chí chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, cụ thể như sau:

- Tuyến đường trục thôn: Gồm 17 tuyến, với tổng chiều dài 9,42km.

+ 01 tuyến (ký hiệu ĐTT-TT.01), đạt tiêu chuẩn đường cấp VI. Lộ giới: 17,5m; Lòng đường: 7,5m; Hè đường: 5,0m x 2.

+ 01 tuyến (ký hiệu ĐTT-TT.12), đạt tiêu chuẩn đường cấp VI. Lộ giới: 17,0m; Lòng đường: 10,5m; Hè đường: 5,0m x 1; Hè Kênh Nam: 1,5m x 1.

+ 01 tuyến (ký hiệu ĐTT-TT.03), đạt tiêu chuẩn đường cấp VI. Lộ giới 12,5m; Lòng đường: 7,5m; Hè đường: 5,0m x 1.

+ 14 tuyến (ký hiệu ĐTT-TT.02; ĐTT-TT.04÷ĐTT-TT.11; ĐTT-TT.13÷ĐTT-TT.17), đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường GTNT cấp A. Lộ giới: 6,5m; Mặt đường 4,5m; Lề gia cố: 1,0m x 2.

- Tuyến đường ngõ xóm: Gồm 26 tuyến, với tổng chiều dài 6,19km (Ký hiệu ĐNX-TT.01 đến ĐNX-TT.26) đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường GTNT cấp B. Lộ giới: là 5,0m; Mặt đường: 3,5m; Lề gia cố: 0,75m x 2.

### **6.2.2. Quy hoạch cao độ nền.**

- Khu trung tâm nằm kề đường liên xã, độ cao san nền sẽ gắn với đường liên xã và theo địa hình tự nhiên, thấp dần từ Tây sang phía Đông. Nhìn chung với



định hướng như vậy khu trung tâm không phải san lấp thêm. Các công trình khi thiết kế sẽ xác định độ cao nền nhà phù hợp.

- Các tuyến kênh mương khi cải tạo, cứng hóa cần xác định cao độ, đáy kênh phù hợp. Với các tuyến kênh tưới cốt đáy kênh thiết kế cần căn cứ vào cốt mặt ruộng trong khu vực, hướng tuyến kênh để thiết kế cho phù hợp.

Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát. Còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thấm thâu, có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

### **6.2.3. Hệ thống cấp nước.**

a. Nhu cầu cấp nước:

- Nước cấp trong phạm vi toàn xã bao gồm: Nước dùng trong sinh hoạt, ăn uống cho người dân; Nước dùng cho các công trình phục vụ công cộng như: Trường học, y tế, nhà văn hóa, trụ sở các cơ quan; Nước dùng cho trang trại chăn nuôi, gia súc, gia cầm; Nước dùng cho các cơ sở sản xuất chế biến nông sản và các công nghiệp khác.

- Nhu cầu cấp nước toàn xã đến năm 2025 là 702 lít/ngày đêm; Đến năm 2030 là 819 lít/ngày đêm.

b. Nguồn nước và mạng lưới đường ống:

- Nguồn nước sạch: Bố trí mạng lưới đường ống cấp nước sạch từ Hệ thống công trình nước huyện Nông Cống tại xã Thăng Thọ đến các hộ gia đình, với công suất 40.000 m<sup>3</sup>/ngày/đêm.

- Mạng lưới đường ống: Xây dựng các tuyến ống truyền dẫn (D300 đến D500) và các tuyến phân phối (D100 đến D200) từ Hệ thống công trình nước huyện Nông Cống tại xã Thăng Thọ chạy dọc theo các tuyến đường quy hoạch trong khu vực đảm bảo cấp nước cho xã theo định hướng hoạch chuyên ngành cấp nước đã được phê duyệt.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt, các họng cứu hoả đấu nối với đường ống cấp nước có đường kính  $\geq$ D100 mm và khoảng cách giữa các họng cứu hoả 100-150m.

c. Cấp nước:

- Đến năm 2025 trên địa bàn xã sử dụng nước sạch từ “Hệ thống công trình nước huyện Nông Cống tại xã Thăng Thọ” công suất 40.000 m<sup>3</sup>/ngày/đêm) được 70% tổng số hộ.

- Đến năm 2030 trên địa bàn xã sử dụng nước sạch từ “Hệ thống công trình nước huyện Nông Cống tại xã Thăng Thọ” (công suất 40.000 m<sup>3</sup>/ngày/đêm) được 100% tổng số hộ.

### **6.2.4. Hệ thống điện.**

a. Nhu cầu điện:

- Điện cấp trong phạm vi toàn xã bao gồm: Điện dùng trong sinh hoạt; Điện dùng cho các công trình phục vụ công cộng; Điện dùng trong sản xuất ....

- Nhu cầu cấp điện toàn xã đến năm 2025 là 1.694 KVA; Đến năm 2030 là 1.975 KVA.

b. Cấp điện:

- Nguồn điện: Từ trạm 110KV Nông Cống, thông qua đường dây trung áp 35KV cấp cho xã.

- Đường dây điện: Duy trì đi nổi theo cột điện, cải tạo và nâng cấp tuyến đường dây.

+ Đường dây hạ thế 0,4KV với chiều dài là 34,0km.

+ Đường dây 35KV với chiều dài 1,5km.

+ Đường dây 110KV chạy qua địa bàn xã với chiều dài 3,9km.

+ Đường dây 220KV chạy qua địa bàn xã với chiều dài 5,5km.

- Trạm điện: Giữ nguyên vị trí 7 trạm biến áp với tổng công suất 1.400KVA và các tuyến đường dây tải điện hiện có. Nâng cấp trạm biến áp như sau: TBA số 1 (thôn Thọ Thượng) giữ nguyên công suất 400KVA; TBA số 2, TBA số 3 (thôn Thọ Thượng) và TBA số 4, TBA số 5 (thôn Thọ Khang) lên 320KVA; TBA số 6 (thôn Thọ Đông) lên 250KVA; TBA số 7 (thôn Thọ Đông) lên 320KVA. Tổng công suất các trạm sau khi nâng cấp là 2.250KVA đảm bảo cho nhu cầu sử dụng điện trong giai đoạn đến năm 2030.

### **6.3. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường.**

#### **6.3.1. Hệ thống xử lý nước thải.**

- Nước thải sinh hoạt ở các khu dân cư của xã Thăng Thọ sau khi xử lý sẽ được theo các mương dẫn nước thải đổ ra hệ thống tiêu thoát nước chung.

- Mương rãnh dẫn nước thải thường được thiết kế chạy dọc theo đường giao thông, kết hợp cả tiêu thoát nước thải và tiêu thoát nước mưa.

- Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thấm thấu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

#### **6.3.2. Hệ thống rác thải.**

Khuyến khích và hướng dẫn nhân dân phân loại chất thải rắn (CTR) ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ. Đối với CTR hữu cơ, các hộ gia đình tận dụng một phần cho chăn nuôi gia súc, phần còn lại sẽ ủ, tạo thành phân vi sinh phục vụ nông nghiệp. CTR vô cơ không còn được tái chế, sẽ chuyển về bãi rác Hồ Mơ của huyện để xử lý.

#### **6.3.3. Quy hoạch nghĩa trang.**

- Trong giai đoạn ngắn hạn các nghĩa trang nhỏ lẻ trên địa bàn xã sẽ đóng cửa, đồng thời có kế hoạch khoanh vùng trồng cây xanh cách ly đảm bảo mỹ quan môi trường.

- Trong giai đoạn đến năm 2030:

+ Mở rộng nghĩa trang Bái Cồn Các thôn Thọ Thượng với diện tích 1,20ha, diện tích sau mở rộng là 1,90ha. (Ô đất ký hiệu NTD-02).

+ Mở rộng nghĩa địa Ông Lào thôn Thọ Khang với diện tích 1,20ha, diện tích sau mở rộng là 2,10ha. (Ô đất ký hiệu NTD-03).

+ Mở mới nghĩa địa Đồng Nhà Lũy thôn Thọ Đông với diện tích 1,95ha (Ô đất ký hiệu NTD-07).

### 7. Quy hoạch sử dụng đất

Căn cứ vào tiềm năng đất đai, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Nông Công và các quy hoạch chi tiết trên địa bàn xã. Sau khi điều tra thu thập, xử lý và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các quy hoạch chi tiết ngành, dự báo về nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn xã như sau:

**Bảng 1: Công trình, dự án sử dụng đất đến năm 2030**

STT	Tên công trình dự án	Mã đất	Vị trí		Diện tích (ha)	Ký hiệu trên bản đồ
			Xứ đồng	Thôn		
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp khác</b>				<b>44,14</b>	
1.1	Trang trại tổng hợp	NKH	Bái Đồng Tròn	Thọ Đông	13,00	NKH-01
1.2	Trang trại tổng hợp	NKH	Đồng Mã Đậm, Cầu Man	Thọ Đông	7,41	NKH-02
1.3	Trang trại tổng hợp	NKH	Bái Trại	Thọ Thượng	18,90	NKH-03
1.4	Trang trại tổng hợp	NKH	Phía Đông Cao tốc Bắc Nam	Thọ Khang	4,83	NKH-04
<b>2</b>	<b>Đất ở nông thôn</b>				<b>15,12</b>	
2.1	Điểm dân cư nông thôn	ONT	Đồng Nam Thanh Yên	Thọ Thượng	5,33	PT-01
2.2	Điểm dân cư nông thôn	ONT	Đồng Nấp	Thọ Thượng	3,00	PT-05
2.3	Điểm dân cư nông thôn	ONT	Đồng Trại Lợn, Đồng Hậu	Thọ Đông, Thọ Khang	4,18	PT-02
2.4	Điểm dân cư nông thôn	ONT	Sau trường TH và THCS	Thọ Thượng	1,28	PT-03
2.5	Điểm dân cư nông thôn	ONT	Đồng Hà	Thọ Thượng	1,33	PT-04
<b>3</b>	<b>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</b>				<b>0,10</b>	
3.1	Mở rộng NVH thôn Thọ Đông	DVH		Thọ Đông	0,10	NVH-03
<b>4</b>	<b>Đất sản xuất kinh doanh và làng nghề</b>				<b>12,77</b>	
4.1	Khu sản xuất kinh doanh	SKC	Đồng Tròn	Thọ Đông	5,00	SKC-02
4.2	Khu làng nghề Thọ Thượng	SKC	Đồng Nấp	Thọ Thượng	5,00	SKC-03
4.3	Khu sản xuất kinh doanh	SKC	Đồng Yên	Thọ Thượng	2,50	SKC-04
4.4	Khu sản xuất kinh doanh	SKC	Ao Cá	Thọ Thượng	0,27	SKC-05
<b>5</b>	<b>Đất thương mại, dịch vụ</b>				<b>3,90</b>	
5.1	Khu thương mại, dịch vụ	TMD	Đồng Yên	Thọ Khang	3,60	TMD-02
5.2	Quy hoạch Hợp tác xã dịch vụ	TMD	Đồng Hà	Thọ Thượng	0,30	TMD-01
<b>6</b>	<b>Đất nghĩa địa</b>				<b>4,00</b>	
6.1	Mở rộng Nghĩa địa Bái Cồn Các	NTD	Bái Cồn Các	Thọ Thượng	1,90	NTD-02
6.2	Mở rộng Nghĩa địa Ông Lào	NTD	Ông Lào	Thọ Khang	1,49	NTD-03
6.3	Mở mới Nghĩa địa Đồng Nhà Lũy	NTD	Đồng Nhà Lũy	Thọ Đông	1,60	NTD-07
<b>7</b>	<b>Đất an ninh</b>				<b>0,10</b>	

STT	Tên công trình dự án	Mã đất	Vị trí		Diện tích (ha)	Ký hiệu trên bản đồ
			Xứ đồng	Thôn		
7.1	Quy hoạch mới trụ sở công an xã	CAN	Đồng Hà	Thọ Thượng	0,10	CAN-01
<b>8</b>	<b>Đất giao thông</b>				<b>8,87</b>	
8.1	Giao thông liên kết vùng (TL525 đi xã Thăng Long )	DGT	Đồng Phúc	Thọ Khang	1,82	
8.2	Mở rộng đường từ TL525 đến Bãi Đồng Tròn	DGT	Đồng Tròn	Thọ Đông	0,45	
8.3	Mở mới đường TL 525	DGT	Đồng Sả	Thọ Thượng	2,20	
8.4	Mở mới đường huyện ĐH.NC.04	DGT		Thọ Khang	1,30	
8.5	Mở mới đường huyện ĐH.NC.14	DGT			1,20	
8.6	Mở mới đường huyện ĐH.NC.15	DGT			1,90	
<b>9</b>	<b>Đất quốc phòng</b>				<b>0,10</b>	
9.1	Ban chỉ huy quân sự xã	CQP	Đồng Hà	Thọ Thượng	0,10	CQP-01
<b>10</b>	<b>Đất năng lượng</b>				<b>0,04</b>	
10.1	Chống quá tải, giảm tổn thất lưới điện trung áp, hạ áp, các trạm biến áp; Đa chia nối xây dựng mạch vòng lưới điện trung áp, cải tạo nâng cấp khả năng truyền tải điện các lộ xuất tuyến sau trạm 110KV	DNL			0,04	
<b>11</b>	<b>Đất thể thao</b>				<b>1,42</b>	
11.1	Mở mới sân thể thao xã	DTT	Sau UBND xã	Thọ Thượng	1,42	DTT-04
<b>12</b>	<b>Vùng lúa chất lượng cao</b>				<b>40,00</b>	
12.1	QH vùng lúa chất lượng cao		Đồng Sa Vỹ	Thọ Thượng	10,00	
12.2	QH vùng lúa chất lượng cao		Đồng Nấp, Bao Trại	Thọ Thượng	30,00	
<b>13</b>	<b>Quy hoạch vùng rau màu</b>				<b>7,30</b>	
13.1	Vùng trồng rau màu		Đồng Yên	Thọ Khang	3,80	
13.2	Vùng trồng rau màu		Đồng Sâm	Thọ Đông	3,50	
	<b>Cộng</b>				<b>137,86</b>	

**Bảng 2: Tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030**

STT	Chỉ tiêu	Mã	Năm 2020		Năm 2025		Năm 2030	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>705,19</b>	<b>100,0</b>	<b>705,19</b>	<b>100,0</b>	<b>705,19</b>	<b>100,0</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>451,73</b>	<b>64,06</b>	<b>440,18</b>	<b>62,42</b>	<b>439,74</b>	<b>62,35</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	410,58	58,22	377,89	53,59	365,22	51,79
1.2	Đất trồng trọt khác		31,20	4,42	23,20	3,29	20,70	2,94
1.2.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	12,86	1,82	4,86	0,69	2,36	0,33
1.2.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	18,34	2,60	18,34	2,60	18,34	2,60
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	9,95	1,41	9,68	1,37	9,68	1,37
1.4	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	-	29,41	4,17	44,14	6,26
<b>2</b>	<b>Đất xây dựng</b>		<b>213,64</b>	<b>30,30</b>	<b>247,60</b>	<b>35,11</b>	<b>259,04</b>	<b>36,73</b>
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	76,00	10,78	83,46	11,84	90,10	12,78
2.2	Đất công cộng		3,43	0,49	3,57	0,51	3,57	0,51

2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,40	0,06	0,40	0,06	0,40	0,06
2.2.2	Đất cơ sở y tế	DYT	0,29	0,04	0,29	0,04	0,29	0,04
2.2.3	Đất cơ sở giáo dục	DGD	1,69	0,24	1,69	0,24	1,69	0,24
2.2.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	0,60	0,08	0,70	0,10	0,70	0,10
2.2.5	Đất năng lượng	DNL	0,43	0,06	0,47	0,07	0,47	0,07
2.2.6	Đất bưu chính viễn thông	DBV	0,02	0,00	0,02	0,00	0,02	0,00
2.3	Đất cơ sở thể dục, thể thao	DTT	1,45	0,21	2,87	0,41	2,87	0,41
2.4	Đất tôn giáo, DLTC, di tích, đình đền		1,15	0,16	1,15	0,16	1,15	0,16
2.4.1	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,03	0,00	0,03	0,00	0,03	0,00
2.4.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	1,12	0,16	1,12	0,16	1,12	0,16
2.5	Đất tiêu thụ công nghiệp và làng nghề		3,76	0,53	14,53	2,06	16,53	2,34
2.5.1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,76	0,53	14,53	2,06	16,53	2,34
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		-	3,90	0,55	3,90	0,55
2.7	Đất hạ tầng kỹ thuật		127,85	18,13	137,92	19,56	140,72	19,95
2.7.1	Đất giao thông	DGT	80,67	11,44	89,54	12,70	89,54	12,70
2.7.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD	6,89	0,98	8,09	1,15	10,89	1,54
2.7.4	Đất thủy lợi	DTL	40,29	5,71	40,29	5,71	40,29	5,71
2.8	Đất quốc phòng	CQP	-	-	0,10	0,01	0,10	0,01
2.9	Đất an ninh	CAN	-	-	0,10	0,01	0,10	0,01
<b>3</b>	<b>Đất khác</b>		<b>39,82</b>	<b>5,65</b>	<b>17,41</b>	<b>2,47</b>	<b>6,41</b>	<b>0,92</b>
3.1	Đất sông, ngòi, kênh và mặt nước CD		13,77	1,95	13,77	1,95	13,77	1,95
	- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối.	SON	10,76	1,53	1,35	0,19	1,35	0,19
	- Đất mặt nước chuyên dùng	MNC	3,01	0,43	3,01	0,43	3,01	0,43
3.2	Đất chưa sử dụng	CSD	26,05	3,69	13,05	1,85	2,05	0,29

## 8. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư và nguồn vốn.

### 8.1. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư

- Đầu tư cho công tác quy hoạch và lập các dự án đầu tư XD nông thôn mới.  
- Các dự án hạ tầng kỹ thuật: Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp các tuyến đường giao thông; Dự án xây dựng, cải tạo kiến cố hoá hệ thống kênh mương nội đồng; Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống đường điện; Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp hệ thống thoát nước trong khu dân cư hiện trạng.

- Các dự án hạ tầng xã hội: Dự án xây dựng mới khu trung tâm văn hoá thể dục thể thao xã; Dự án đầu tư xây dựng mới các công trình: Công sở UBND xã; Công an xã; Nhà trực ban chỉ huy quân sự xã, Nhà văn hóa và sân thể thao thôn; Trạm y tế; bưu điện; Dự án đầu tư xây dựng các điểm dân cư nông thôn đối với các vị trí được quy hoạch trong giai đoạn ngắn hạn và dài hạn.

- Các dự án về sản xuất: Dự án xây dựng hạ tầng phục vụ các khu vực sản xuất (đường giao thông, hệ thống thủy lợi, môi trường,...).

- Đầu tư cho công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

- Đầu tư cho công tác áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.

**8.2. Nguồn vốn:** Từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

### Điều 2. Tổ chức thực hiện.

#### 1. Ủy ban nhân dân xã Thăng Thọ có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Thăng Thọ, huyện Nông Cống đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức,

đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện; đồng thời lưu trữ hồ sơ theo quy định.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Thăng Thọ tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Thăng Thọ và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Lợi Đức**